

BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi sông Nhuệ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý Chất lượng Nước, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Thời gian: Đợt 3 (tháng 1/2018)

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
1	1	Công Liên Mạc	Trời lạnh, t° = 19°C, độ ẩm 95%, gió ĐĐN 11 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Hồng. Công Liên Mạc 1 và 2 mở thông, mực nước thấp.	Nước màu xanh đen.	7.55	59.1	0.97	0.3	2.657	0.290	416	<p>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p>
2	2	Cầu Diên Từ Liêm	Trời lạnh, t° = 19°C, độ ẩm 95%, gió ĐĐN 11 km/h. Dòng chảy ri về hạ lưu, mực nước thấp. Hai bên bờ sông	Nước màu đen, mùi hôi	7.55	30.1	0.5	0.5	34.188	0.223	662	<p>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy</p>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
			nhiều rác thải.	thối.								lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
3	3	Đập Hà Đông	Trời lạnh, t° = 22°C, độ ẩm 87%, gió ĐĐN 16 km/h. Dòng chảy rì về hạ lưu. Hai bên bờ sông nhiều rác thải.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.52	41.6	0	0.7	106.449	0.464	892	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Mở đập Hà Đông rút nước bản.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
4	4	Cầu Tó	Trời lạnh, t° = 22°C, độ ẩm 84%, gió ĐĐN 16 km/h. Dòng chảy ri về hạ lưu.	Nước màu đen, mực nước thấp.	7.65	44.5	0	0.7	124.320	0.385	907	<p>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p> <p>Mở Nhật Tụ rút nước bản.</p>
5	5	Cầu Xém	Trời nhiều mây, t° = 23°C, độ ẩm 78%, gió ĐN 13 km/h. Dòng chảy ri về hạ lưu, mực nước thấp.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.48	40.4	0.01	0.4	56.721	0.164	583	<p>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật</p>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												thủy sinh. Mở Nhật Tụ rút nước bản.
6	6	Đập Đồng Quan	Trời nhiều mây, t° = 24°C, độ ẩm 72%, gió ĐĐN 18 km/h. Dòng chảy chậm hạ lưu.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.5	35.1	0.52	0.3	8.780	0.104	464	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
7	7	Cầu Thần	Trời nhiều mây, t° = 26°C, độ ẩm 68%, gió ĐĐN 23 km/h. Dòng chảy nhỏ. Nước sông Duy Tiên nhập vào sông Nhuệ, sau đó dòng chảy trên sông Nhuệ chảy ngược về	Nước màu xanh lục.	7.77	35.8	5.83	0.3	14.452	0.155	422	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
			thượng lưu.									kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
8	8	Đập Nhật Tựu	Trời nắng, t° = 25°C, độ ẩm 69%, gió ĐĐN 24 km/h. Đập đóng, không có dòng chảy.	Nước màu xanh lục.	7.75	20.9	6.61	0.3	5.478	0.146	452	<p>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p> <p>Mở đập Nhật Tựu rút nước bản.</p>
9	9	Cống Lương Cỗ	Trời nắng, t° = 25°C, độ ẩm 70%, gió ĐĐN 21 km/h. Dòng chảy ri, chảy ngược.	Nước màu xanh	7.54	21.5	4.54	0.3	3.155	1.127	476	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
			Công đang tận dụng nước sông Đáy chảy vào do thủy triều.	lục.								lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
10	10	Cầu Vân - Phủ Lý	Trời nắng, t° = 25°C, độ ẩm 70%, gió ĐĐN 21 km/h. Dòng chảy ngược, nhỏ. Nước từ sông Đáy đang chảy vào sông Nhuệ.	Nước màu xanh lục.	7.59	18.4	4.12	0.3	2.727	1.802	460	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
11	11	Sông Đăm	Trời lạnh, t° = 19°C, độ ẩm 95%, gió ĐĐN 11 km/h. Dòng chảy nhanh. Tại vị trí này phân biệt 2 màu rõ rệt,	Nước màu nâu đục.	7.57	67.8	2.01	0.3	6.845	0.203	384	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
			nước sông Đăm pha loãng nước sông Nhuệ và chảy ngược về thượng lưu cống Liên Mạc. Sau điểm này nhập lưu với sông Nhuệ nước màu đen kịt.									lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Bổ sung nước từ sông Hồng qua cống Đan Hoài.
12	12	Sông Cầu Ngà	Trời lạnh, t° = 20°C, độ ẩm 91%, gió ĐĐN 13 km/h. Dòng chảy chậm, mực nước thấp. Đập đất vẫn chắn ngang sông gây cản trở dòng chảy.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.11	91.3	0.41	0.6	6.006	0.200	764	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												thủy sinh.
13	13	Đập Thanh Liệt	Trời lạnh, t° = 22°C, độ ẩm 84%, gió ĐĐN 16 km/h. Đập đóng, không có dòng chảy.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.56	40.2	0	0.7	93.240	0.351	917	<p>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p> <p>Đóng cống không cho nước bản vào sông Nhuệ</p>
14	14	Kênh Xuân La	Trời lạnh, t° = 19°C, độ ẩm 95%, gió ĐĐN 11 km/h. Dòng chảy nhanh, xáo trộn rối ở hạ lưu.	Nước màu đen, mùi hôi	7.46	25.8	1.05	0.5	2.082	0.173	613	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
				thối.								lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Xử lý nước thải trước khi đổ ra sông Nhuệ
15	15	Kênh Phú Đô	Trời lạnh, t° = 20°C, độ ẩm 91%, gió ĐĐN 13 km/h. Dòng chảy chậm.	Nước màu xám đục.	7.43	58.9	0.76	0.7	33.411	0.356	911	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												Xử lý nước thải trước khi đổ ra sông Nhuệ
16	16	Kênh tiêu Trung Văn	Trời lạnh, t° = 20°C, độ ẩm 91%, gió ĐĐN 13 km/h. Dòng chảy chậm, mực nước thấp.	Nước màu xám đục.	7.63	76.3	0.06	0.7	54.390	0.293	924	<p>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p> <p>Xử lý nước thải trước khi đổ ra sông Nhuệ</p>
17	17	Cầu Am – Vạn Phúc	Trời lạnh, t° = 21°C, độ ẩm 90%, gió ĐĐN 14 km/h. Dòng chảy nhanh ra sông	Nước màu đen.	7.62	76.3	0.01	0.7	101.010	0.245	870	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
					6 – 8.5		6		0.3	2		
					6 – 8.5		5		0.3	5		
					5.5 – 9		4		0.9	10		
					5.5 – 9		2		0.9	15		
			Nhuệ. Mực nước thấp, dưới kênh nhiều rác thải.									lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Mở công Yên Nghĩa tiêu nước bản.
18	18	Kênh La Khê	Trời lạnh, t° = 21°C, độ ẩm 90%, gió ĐĐN 14 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy, mực nước thấp.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.9	85.9	0.4	0.7	118.104	0.308	974	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
19	19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Trời nắng, t° = 24°C, độ ẩm 72%, gió ĐĐN 18 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy. Hai bên bờ sông nhiều rác thải.	Nước màu xanh lục.	7.74	76.1	3.35	0.3	13.520	0.140	466	<p>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p>
20	20	Kênh Duy Tiên	Trời nhiều mây, t° = 26°C, độ ẩm 68%, gió ĐĐN 23 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước thấp.	Nước màu xanh lục.	8.09	43.6	3.19	0.2	9.479	0.126	285	<p>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Không đủ điều kiện bảo tồn</p>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												<p>động, thực vật thủy sinh.</p> <p>Mở cống Tác giang tận dụng nước triều để tăng khả năng tự làm sạch sông.</p>
21	21	Kênh Yên Xá – Thanh Trì	Trời lạnh, t° = 22°C, độ ẩm 87%, gió ĐĐN 16 km/h. Dòng chảy nhanh, mực nước thấp. Phân biệt 2 màu rõ rệt tại điểm nhập lưu vào sông Nhuệ.	Nước màu xám đục.	7.69	91	0.02	0.9	101.787	0.443	1100	<p>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
22	22	Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà – Thường Tín	Trời nhiều mây, t° = 23°C, độ ẩm 78%, gió ĐN 13 km/h. Dòng chảy chậm.	Nước màu xanh, đục.	7.24	60.2	2.11	0.2	15.540	0.128	321	<p>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p>
23	23	Kênh Hòa Bình (Thanh Trì)	Trời lạnh, t° = 22°C, độ ẩm 84%, gió ĐĐN 16 km/h. Công đóng, không có dòng chảy. Trạm bơm không hoạt động, có nhiều vịt tại bể hút trạm bơm.	Nước màu xanh lục.	7.73	11	2.57	0.4	21.756	0.225	567	<p>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Không đủ điều kiện bảo tồn</p>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5		6		0.3	2		
		QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5		5		0.3	5		
		QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9		4		0.9	10		
		QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9		2		0.9	15		
												động, thực vật thủy sinh.

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.